

CHUYÊN MỤC

KINH TẾ HỘ C - XÃ HỘI HỘ C

LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ TÔM: NHÓNG VƯỜN ĐÓNG RA TỰNG NGHIÊN CỨU TRÊN NG HỘ P XÃ TÂN DUYỆT, HUYỆN ĐÓNG M DUYỆT, TỈNH CÀ MAU

LÊ THANH SANG
NGUYỄN ĐÓNG NG MINH THÓO

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về liên kết trong sản xuất - tiêu thụ tôm tại một địa bàn nuôi tôm trồng đũa m của Tây Nam Bộ, qua đó phân tích các tính chất của hình thức liên kết tự phát của vi mô. Sản xuất qui mô nhỏ, chủ yếu dựa trên quy trình canh trộm tôm, thời gian quy hoạch và các yếu tố đưa vào bảp bệnh đũa đũa n sả thời gian đũa c và sả n lũa ng và chũa t lũa ng tôm. Sản phẩm kém về nguộ n lũa c của hộ sản xuất và các chũa thũa liên kết khác đã hũa n chũa nhu cầu và khả năng liên kết mang tính bũa n vi ng. Quy hoạch của hộ hũa tũa ng sản xuất, đũa c bũa t là nguộ n nũa c đũa ngắ n ngũa a đũa bũa nh, và kiểm soát chũa t lũa ng của các yếu tố đưa vào cũa n đũa c xem là giũa i pháp của bũa n đũa thúc đũa y liên kết.

1. GIỚI THIỆU

Liên kết thúc đũa y phát triển theo hộ ng bũa n vi ng là một vấn đề cấp bách ở Tây Nam Bộ. Cùng với gạo, cá, và trái cây, tôm là một trong bũa n nhóm nông

sả n của hộ cũa vùng. Trong nhũa ng năm qua, dù Chính phủ cũng nhũa lãnh đũa o các địa phương trong vùng rút khuyến khích và có nhũa ng chính sách thúc đũa y liên kết, nhũa ng cho đũa n nay các hộ tũa ng liên kết nói chung và đũa i với ngành tôm nói riêng vẫn còn rất hũa n chũa và chũa a mang lũa i hiũa u quũa thiũa t thũa c.

Cà Mau là tỉnh đi đũa u trong sản xuất - chũa biũa n tôm, trong đó Đũa m Dũa i là huyện có đũa n tích nuôi tôm lũa n nhũa t. Xã Tân

Lê Thanh Sang. Phó giáo sư tiến sĩ. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Nguyễn Đổng Minh Tháo. Thạc sĩ. Trung tâm Tài nguyên Phát triển. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Duyệt của huyện Đồng Đức là địa phương chuyên nuôi tôm với 3 mô hình: công nghiệp, quảng canh cải tiến, và quảng canh truyền thống, có các hoạt động liên kết đang hình thành và bước đầu hiệu quả trong sản xuất - tiêu thụ của tôm để giữ quy mô. Do vậy, địa bàn này cung cấp môi trường hợp nghiên cứu có tính điển hình về liên kết phát triển trong sản xuất - tiêu thụ tôm của vùng.

Bài viết phân tích các hoạt động liên kết trong quá trình sản xuất - tiêu thụ tôm của các hộ nông dân với các bên liên quan, chỉ ra các nhân tố tác động đến các hoạt động liên kết và bàn luận về các giải pháp thúc đẩy liên kết phát triển trong lĩnh vực này theo cách tiếp cận vi mô. Nghiên cứu này do vậy phân tích các điểm kiến tập trung nhất để với khả năng liên kết để mở rộng địa bàn điển hình về mô hình nông sản tiêu thụ của vùng. Các vấn đề và cách giải quyết vấn đề đặt ra ở đây có giá trị tham khảo cho việc hình thành các phương thức liên kết trong vùng.

2. NGUỒN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng một phương pháp khảo sát của đoàn *Điêu tra các bên liên kết về liên kết phát triển bên vùng Tây Nam Bộ* (Lê Thanh Sang, 2014), trong đó hợp phần nghiên cứu tại Cà Mau được thực hiện năm 2013. Nhóm nghiên cứu đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu khác nhau: báo cáo của các cấp, ngành, tổ chức có liên quan và khảo sát thực địa tại xã Tân Duyet. Nhóm nghiên cứu cũng đã phỏng vấn chuyên gia để với lãnh đạo địa phương, Chi cục Nuôi trồng Thủy sản, Hội Nông dân, và các tổ chức

liên quan khác để cập nhật tình hình sản xuất; khảo sát điển hình 20 hộ nuôi tôm có qui mô từ nhỏ đến lớn - chủ thể để xem là có khả năng và nhu cầu liên kết hiện so với những hộ sản xuất qui mô nhỏ; phỏng vấn sâu một số doanh nghiệp, thương lái, các tổ nhân, hợp tác xã, tổ hợp tác; và quan sát-tham dự, với bên để mở rộng liên kết.

Các hoạt động liên kết được phân tích chủ yếu từ hai chiều kích chính là các lĩnh vực liên kết và các bên liên kết. Vì mỗi chủ thể có thể liên quan đến nhiều hoạt động liên kết khác nhau, trong khi liên kết chỉ có thể được hiểu một cách phù hợp nhất khi đặt chúng theo các công đoạn của quá trình sản xuất - tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, trong nghiên cứu này liên kết được phân tích theo trục các yếu tố đưa vào, các yếu tố trong quá trình sản xuất, và các yếu tố đưa ra của sản phẩm, trong đó hộ nuôi tôm là chủ thể trung tâm trong hoạt động liên kết với các chủ thể liên quan khác.

3. ĐẶC ĐIỂM NGHỀ NUÔI TÔM TẠI ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Cà Mau có diện tích tự nhiên là 5331,6km², dân số 1,2 triệu người, phân bố trên 8 huyện và thành phố Cà Mau, gần 101 xã/phường. Cà Mau có lợi thế lớn trong ngành nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm. Năm 2010, sản lượng tôm nuôi trong toàn tỉnh đạt 103,9 ngàn tấn. Với chiều dài bờ biển 254km và hơn 80 cửa biển lớn, nhỏ, chủ yếu là cửa biển Đông và một phần không nhỏ của biển Tây đã tạo ra một bãi triều rộng lớn ở Mũi Cà Mau, rất phù hợp để phát triển ngành nuôi tôm. Dựa trên lợi thế tự nhiên này, ngành nuôi

tôm ở Cà Mau đã có bước phát triển vượt bậc và đóng góp quan trọng vào giá trị sản lượng tôm toàn vùng. Diện tích nuôi tôm của Cà Mau hiện đang đứng đầu cả nước, với 266.592ha năm 2010, chiếm 20% tổng giá trị sản xuất và kim ngạch xuất khẩu tôm toàn quốc (Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Dơi, 2013, tr. 16).

Đầm Dơi có chiều dài bờ biển trên 25km, với hệ thống sông ngòi chằng chịt, chủ yếu hình thành do bán nhật triều của biển Đông, tạo ra vùng sinh thái độc đáo rất thích hợp với nghề nuôi tôm. Đầm Dơi có diện tích nuôi tôm lớn nhất tỉnh, đạt 65.584 ha, chiếm 24,7% tổng diện tích nuôi tôm của tỉnh năm 2010. Nuôi tôm quảng canh vẫn là loại hình chủ yếu, trong đó quảng canh truyền thống chiếm đến 98,2%, quảng canh cải tiến và nuôi công nghiệp chỉ đạt 0,3% và 1,5% tổng diện tích. Năm 2011, mặc dù có thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng nuôi quảng canh truyền thống, tăng tỷ trọng quảng canh cải tiến và nuôi công nghiệp (tổng diện tích là 94,9%, 2,6% và 2,5%), sản xuất chủ yếu dựa vào tự nhiên vẫn là đặc trưng của nghề nuôi tôm hiện nay (Ủy ban Nhân dân huyện Đầm Dơi, 2013, tr. 17).

Xã Tân Duyết giáp với thị trấn Đầm Dơi và nằm trên trục đường tỉnh thành phố Cà Mau đến huyện Đầm Dơi nên thu hút nhiều hộ trong việc kết nối với hai trung tâm đô thị chính này so với nhiều xã khác. Tân Duyết có diện tích tự nhiên 5.244ha, trong đó diện tích nuôi trồng thủy sản là 4.177 ha, chiếm 79,7% diện tích toàn xã và 6,4% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trong huyện Đầm Dơi. Xã có 3.372 hộ với 16.575 khẩu, trong đó sản xuất

nông nghiệp, chủ yếu là nuôi trồng thủy sản, chiếm đến 87,5% tổng số lao động, phần lớn tính chất thu nhập nông cấy địa phương. Mức thu nhập khoảng 12,5 triệu đồng/người/năm 2010, đứng mức trung bình so với thu nhập của khu vực nông thôn tỉnh Cà Mau (Ủy ban Nhân dân xã Tân Duyết, 2011, tr. 6-7).

Tại xã, hiện có 3 mô hình nuôi tôm: Tính đến 9 tháng đầu năm 2013, mô hình nuôi công nghiệp có diện tích 276ha với 312 hộ tham gia, chiếm tỷ trọng 7,4% diện tích và 9,2% hộ nuôi tôm trong toàn xã; mô hình nuôi quảng canh cải tiến có diện tích 275,9ha với 225 hộ tham gia, chiếm tỷ trọng 7,4% diện tích và 6,6% hộ nuôi tôm trong toàn xã; và mô hình nuôi quảng canh truyền thống có diện tích 3.186,6ha với 2.862 hộ tham gia, chiếm 85,2% diện tích và 84,2% hộ nuôi tôm trong toàn xã. Nhìn vậy, mặc dù mô hình nuôi công nghiệp và nuôi quảng canh cải tiến đang ngày càng cao hơn hẳn so với mức trung bình của huyện và tỉnh, mô hình nuôi quảng canh truyền thống vẫn là phổ biến. Ít có sự khác biệt về diện tích nuôi bình quân giữa các mô hình này, lớn nhất là 0,9 ha/hộ nuôi công nghiệp, 1,2 ha/hộ nuôi quảng canh cải tiến, và 1,1 ha/hộ nuôi quảng canh truyền thống (Hội Thủy sản xã Tân Duyết, 2013, tr. 2). Số lao động bình quân trong một hộ nuôi tôm khoảng 3 người, phần lớn là lao động gia đình, chỉ khi nào thiếu hụt làm đất hoặc thu hoạch thì mới thuê thêm lao động thêm vào, và thường là người ở trong xã. Với qui mô sản xuất nhỏ, nhu cầu lao động đòi hỏi nghề nuôi tôm không lớn, việc sử dụng lao động gần như khép kín trong phạm vi gia đình và xã/phường.

Sẽ khác nhau cách biến giá 3 mô hình là mức đầu tư cho sản xuất. Mô hình quản lý canh cấy tiên có mức đầu tư nuôi thả thả, chủ yếu đưa vào môi trường sống tự nhiên, nên đầu tư không đáng kể, nhưng mô hình quản lý canh cấy tiên và đặc biệt là mô hình công nghiệp có mức đầu tư nuôi thả cao hơn đòi hỏi phải chi phí nhiều hơn cho con giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất,... “Với 1ha đất, nếu quản lý canh cấy tiên thì đầu tư khoảng 15 triệu, nhưng nếu làm 3 ha nuôi công nghiệp thì phải đầu tư 100 triệu” (Chức vụ Chi hội Thủy sản xã Tân Duyết, 2013). Do vậy, năng suất nuôi quản lý canh cấy tiên thấp hơn khoảng 200 kg/ha/năm, trong khi nuôi quản lý canh cấy tiên là 400 kg/ha/năm và nuôi công nghiệp là 5 tấn/ha/năm. Xã đang chuyển hướng sang nuôi tôm thẻ chân trắng với lợi thế là thời gian nuôi ngắn hơn, tốn ít vốn đầu tư và ổn định hơn cho người nuôi tôm. Hiện tại đã phát triển được 15 hộ tham gia với hơn 17ha. Tôm nuôi đang phát triển tốt, dần dần thu hoạch được nhiều quả cao sẽ nhân rộng thêm (Hội Thủy sản xã Tân Duyết, 2013, tr. 2).

Cơ sở hạ tầng của Tân Duyết mức dù có bước phát triển nhanh nhưng còn nhiều hạn chế so với yêu cầu của ngành nuôi tôm theo hướng hiện đại. Trong tổng số 42,9km đường bộ của xã, chỉ có 4 tuyến đường bê tông là trục V xe ô tô đi lại được, nhưng có đến 42 cây cầu và 13 tuyến đường giao thông nông thôn được bê tông hóa với bề ngang từ 1,5 - 2m, chỉ phù hợp với phương tiện xe máy. Mặc dù hạ tầng dân cư đầu tư có điểm sinh hoạt, vốn chủ yếu có nguồn vốn 3 pha phục vụ nuôi tôm công nghiệp. Chủ yếu

xây dựng đường trục hạ tầng thủy lợi và xử lý nước tách biệt cho việc nuôi tôm, nên khó kiểm soát dịch bệnh lây nhiễm khi dịch bệnh xảy ra. Xã Tân Duyết chủ yếu có chủ, người dân chủ mua bán các tuyến kênh rạch. Với nhu cầu lớn hơn, họ phải đi chợ xa hơn. Đám Dời, cách trung tâm xã khoảng 4km. Các yếu tố này làm tăng chi phí, tăng rủi ro trong sản xuất và hạn chế khả năng tiếp cận thị trường của người nuôi tôm.

Có thể thấy, lợi thế so sánh về môi trường sinh thái tự nhiên chủ yếu là mức đầu tư vốn của người nuôi không phải là yếu tố cạnh tranh bên ngoài trong nghề nuôi tôm, đặc biệt là khi phải đầu tư vốn nhiều rủi ro về ô nhiễm môi trường và kiểm soát dịch bệnh. Trình độ sản xuất thả có thể dần dần nhiều hơn chủ trong kỹ thuật nuôi, kiểm soát dịch bệnh, năng suất, chất lượng, hiệu quả, nhu cầu và khả năng liên kết của người nuôi tôm, do vậy là những yếu tố cần phải tính đến khi nghiên cứu và liên kết phát triển.

4. CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT - TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Các hoạt động liên kết có thể theo chiều ngang giữa các hộ nuôi tôm với nhau trong các công đoạn sản xuất và theo chiều dọc giữa hộ nuôi tôm với các chủ cung ứng đầu vào và tiêu thụ đầu ra của chuỗi sản xuất - tiêu thụ tôm.

4.1. Liên kết giữa các hộ nuôi tôm

Xã Tân Duyết hiện có 2 hợp tác xã và 15 tổ hợp tác. Hợp tác xã nuôi tôm công nghiệp Tân Long có 80 hộ tham gia, vốn có 36 triệu đồng, diện tích nuôi 84 ha, và hoạt động yếu. Hợp tác xã Đoàn

Kết quả Tân Long có 55 hộ tham gia, vốn có 80 triệu đồng, diện tích nuôi 13,9ha theo 3 mô hình: công nghiệp, quặng canh cải tiến và quặng canh truyền thống. 3 mô hình này đều hoạt động có lãi. Trong số 15 thị trấn có 8 thị trấn nuôi tôm công nghiệp với 210 hộ trên diện tích 189ha và 7 thị trấn nuôi tôm quặng canh cải tiến với 283 hộ trên diện tích 256,9ha. Trong số 15 thị trấn, chỉ có 2 thị trấn đánh giá khá, 7 thị trấn trung bình, và 6 thị trấn kém. Trên toàn xã, diện tích nuôi tôm công nghiệp ngoài thị trấn và thị trấn là 13ha và diện tích nuôi tôm quặng canh cải tiến là 19ha. (Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đầm Dơi, 2013). Như vậy, hộ nuôi diện tích nuôi tôm công nghiệp và quặng canh cải tiến đều do thị trấn xã hoặc thị trấn thị trấn nuôi tôm quặng canh truyền thống. Tính chung trên toàn xã, các thị trấn xã chiếm khoảng 2,6% diện tích nuôi tôm và 4% số hộ nuôi tôm, các thị trấn thị trấn chiếm 13,2% diện tích nuôi tôm và 13,1% số hộ nuôi tôm, trong khi 84,2% diện tích nuôi tôm và 82,9% số hộ nuôi tôm còn lại là các hộ nuôi tôm cá thể.

Theo chuyển đổi nông nghiệp với việc thúc đẩy các hoạt động liên kết giữa các hộ nuôi tôm, 2 thị trấn xã đã được thành lập từ năm 2010 và 15 thị trấn xã được thành lập trong các năm 2012 và 2013, tập trung chủ yếu vào 2 mô hình chủ yếu là nuôi công nghiệp và nuôi quặng canh cải tiến, một phần là nuôi quặng canh truyền thống. Để tạo điều kiện ban đầu cho các mô hình thị trấn xã này hoạt động, các cơ quan quản lý nhà nước có trên đã có một số chính sách

hỗ trợ trên nhiều phương diện, nhằm thu hút các hộ nuôi tôm tham gia thị trấn xã.

Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của các mô hình liên kết cho thấy: Khi mới thành lập, thị trấn xã chỉ nuôi tôm công nghiệp, chỉ có nuôi quặng canh truyền thống, theo thời gian thị trấn xã nuôi tôm quặng canh cải tiến có hộ nuôi, cơ quan quản lý thị trấn xã nên tình hình đều thị trấn xã, thị trấn xã, men vì sinh đều thị trấn xã nuôi quặng canh cải tiến. Khoảng 1 năm sau, thị trấn xã xã hoạt động có hộ nuôi thì thị trấn xã hộ nuôi tôm mới xin gia nhập vào. Thị trấn Tân Long có một nhóm nuôi tôm công nghiệp riêng, sau này khi thị trấn xã được phép mở rộng, thị trấn xã có nhu cầu thì vô thị trấn xã xã, có thể nuôi công nghiệp, nuôi quặng canh cải tiến hoặc quặng canh truyền thống. Trong quá trình sản xuất thì một hộ thị trấn xã, nếu thị trấn xã thì có thể điều phối giữa các hộ trong thị trấn xã hoặc thị trấn xã.

Lợi ích đầu tiên mà các thị trấn xã viên được hưởng là có nhiều cơ hội tiếp nhận khoa học công nghệ và quy trình kỹ thuật mới. Các lãnh đạo địa phương cho biết: Khi tham gia thị trấn xã, xã viên được tập huấn nuôi tôm đúng kỹ thuật, nuôi tôm sạch, không sử dụng hóa chất gây hại, và cách xử lý nước đúng. Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư của Liên minh Hợp tác xã phối hợp với Chi cục Nuôi trồng Thủy sản của tỉnh tập huấn khoảng 3-4 tuần/lần, một lần 2 tiếng đều cho tất cả các xã viên hoặc cho Ban chỉ huy mới tuyển lại cho xã viên mới tuyển khai mô hình mới. Sản phẩm nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng tập trung huấn luyện kỳ khoảng 2-3 tuần/lần, khi có

chúng ta đang trình bày những cách sản xuất nông hóa công nghệ, để đi đến những hợp tác xã để các thành viên tham gia. Sau đó chúng ta sẽ đi sâu vào cho những xã viên khác. Năm 2012, Trung tâm nông nghiệp Khoa học - Công nghệ Cà Mau thực hiện mô hình nuôi tôm quy mô canh tác tiên tiến năng suất cao tại ấp Tân Long, xã Tân Duyết để các hợp tác xã viên học tập. Quy trình nuôi tôm sẽ thực hiện theo VietGAP, quy trình ABC cũng được giới thiệu, khoảng 3-4 tuần thì cán bộ kỹ thuật xuống ruộng tôm tập huấn mô hình và quy trình nuôi tôm sẽ thực hiện. Các yêu cầu đặt ra là bùn bã không được đưa ra sông để hạn chế khả năng gây ô nhiễm và lây lan bệnh dịch, chúng tôi nuôi công nghệ khép kín tránh sản xuất các loại hóa chất mà Nhà nông cần nghiêm cấm để có được tôm sạch, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Phòng Tài nguyên Môi trường nông thôn trách nhiệm xã lý xã viên nuôi tôm công nghệ khép kín mà vi phạm. Phòng Tài nguyên Môi trường nông thôn và Sở Tài nguyên Môi trường nông thôn xuyên suốt hợp tác kiểm tra đầu xuất, nếu có bất kỳ nào phát hiện thì tình hình xã lý huy động. Quy định này có tính ràng buộc những người dân cũng có quy định trong việc xã lý nông dân trước khi xuất ra ngoài theo đúng quy trình kỹ thuật. Khi tôm bắt đầu bệnh thì cần quan trọng ý sẽ cấp thuốc xã lý và chúng tôi đang quy trình kiểm soát dịch bệnh. Nhờ vậy, việc tham gia hợp tác xã đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao kiến thức và khả năng nuôi tôm và bảo vệ môi trường nông thôn cho các hợp tác xã viên. Đây là lợi ích lớn nhất mà những hợp tác xã đánh giá cao khi họ tham gia vào hợp tác xã và tập hợp các thành viên nuôi tôm. Tuy nhiên, việc giám sát và xử phạt để các thành viên nào trên thực tế thì còn phải có sự xác nhận của

những hợp tác xã nuôi tôm. Một khi đưa ra những không thực hiện được sẽ cần tài này thì không thể kiểm soát được dịch bệnh, bảo vệ môi trường nông thôn và đảm bảo sản phẩm phát triển bền vững.

Hợp tác xã viên được các hợp tác xã mời sẽ đi đầu tư tài chính và cần sẽ viết hợp đồng. Khi tham gia hợp tác xã, các xã viên có nghĩa vụ đóng góp kinh phí để các thành viên sẽ được theo hình thức quay vòng. Điều này có thể giúp giải quyết phần nào khó khăn về nguồn vốn sản xuất. Khi xã viên nào làm được xin ra khỏi hợp tác xã thì sẽ được hoàn trả lại khoản kinh phí đóng góp này. Hiện nay, hợp tác xã cũng được ưu tiên vay tín dụng cho các xã viên của mình từ các nguồn vốn đi đầu có lãi suất thấp như Ngân hàng Chính sách và Liên minh Hợp tác xã. Hợp tác xã sẽ làm được đi đến vay vốn và phân phối lại cho các xã viên theo nhu cầu và điều kiện cho phép. Mục cho vay vốn của Ngân hàng Chính sách là từ 10 - 30 triệu đồng tùy theo quy cách làm ăn, và chi trả dành cho hợp tác xã nuôi tôm trước thu nhập hợp tác xã. Ngoài ra, tình hình cũng hỗ trợ các chi phí khi triển khai mô hình thí điểm từ các hợp tác xã. Các điều kiện về quy hoạch sản xuất, hợp tác xã nông thôn, và các cơ sở vật chất khác cũng dành ưu tiên hơn cho các hợp tác xã. Về mặt khác, tình hình có trợ cấp thức ăn, men vi sinh, vôi, hóa chất... miễn phí đi vào 16 hợp tác xã nuôi tôm thực hiện quy mô canh tác tiên tiến. Chúng ta đang trình bày thí điểm về mặt kỹ thuật này rất thành công (diện tích canh tác chỉ 3.000 - 4000m² nhưng đạt doanh thu 100 triệu đồng). Nhờ vậy, mặc dù là mô hình thí điểm, việc quay vòng vốn đóng góp của xã viên, việc sản xuất

các nông dân vay tiền để nuôi lợn và lợn nuôi thịt, và một số hộ trồng chuối để bán cho các đại lý ở trung tâm, các mô hình thí điểm cũng mang lại lợi ích cho nông dân tham gia hợp tác, mặc dù còn rất khiêm tốn và chưa đáp ứng được các yêu cầu về vốn của hộ sản xuất.

Hợp xã viên có tiềm năng và lợi thế tiếp cận thị trường nông sản so với hộ cá thể, vai trò của hợp tác xã và tổ hợp tác. So với các lợi ích của mô hình thì lợi thế này của phát huy đáng kể trên thực tế nông dân là một tiềm năng có thể phát huy. Đặc biệt là khi quá trình tiếp cận thị trường này luôn gắn với chuyển giao kỹ thuật, qui mô và chất lượng sản phẩm, có sự kết hợp giữa các chủ thể như nuôi tôm, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức khoa học công nghệ. Đây là một xu hướng liên kết có thể mang lại hiệu quả trên cơ sở đáp ứng các lợi ích thiết thực của các chủ thể liên kết chính là hộ nuôi tôm và doanh nghiệp. Một ví dụ điển hình là hiện nay đơn án WF (Đơn Mạnh), một tổ chức phi chính phủ, chuyên tập huấn về nuôi tôm sạch, không dùng các hóa chất bảo vệ sức khỏe, đang mở rộng trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đơn án này kết hợp với Công ty Phú Cường, chủ nhân bất kỳ hợp đồng mua tôm sạch từ Hợp tác xã Đoàn Kết. Ủy ban Nhân dân tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm trung gian ký kết với WF để theo dõi và giám sát quá trình thực hiện hợp đồng. Nếu xét nghiêm túc tôm không sạch bắt nguồn từ hộ nuôi tôm (có ghi nhận kỹ rõ ràng để biết các nguyên nhân là do đâu) thì hộ nông dân chịu trách nhiệm, nhưng nếu nông dân bán tôm sạch mà bắt đầu

thì Công ty Phú Cường chịu trách nhiệm. Đơn án WF còn tài trợ 1 bộ thiết bị để kiểm tra mẫu đất của tôm, tổ chức chôn và tổ chức nuôi, đã lắp đặt từ 2-3 năm nay. Đây là chuyển trình tài trợ điển hình, nếu hoạt động tốt thì sẽ triển khai rộng rãi cho xã viên. Điều này cho thấy, để đảm bảo hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong liên kết cần có các hợp đồng rõ ràng với sự trợ giúp của chính quyền, tổ chức khoa học công nghệ, và cần thiết phải phù hợp để đảm bảo việc tuân thủ và chế tài nếu vi phạm hợp đồng.

Hợp tác xã có thể liên hệ bán tôm cho công ty nhưng nếu thu hoạch từ khoảng 5-10 hộ thì hợp tác xã cũng cho phép các xã viên có thể bán cho tổ chức lái theo giá của thị trường và hợp tác xã, rồi sau đó mới chia lợi ích cho các xã viên. Phương thức này có tính linh hoạt, và cá thể với tập thể phù hợp với điều kiện sản xuất nhỏ và thu hoạch phân tán, nhưng dù bán cho tổ chức lái thì vẫn thông qua hợp tác xã chứ không phải là làm riêng như kiểu tự nhân.

Như vậy, tham gia vào hợp tác xã sẽ tạo điều kiện cho nông dân dễ dàng học tập, trao đổi kinh nghiệm, bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế dịch bệnh thông qua sự phân phối công đồng. Hợp cũng nhận được sự quan tâm của Nhà nước trong việc đầu tư các dự án chuyển giao khoa học - kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, vốn... "Việc liên kết giữa các nông hộ với nhau có rất nhiều lợi ích cả cho việc nuôi tôm là một nghề có nhiều rủi ro. Sự liên kết giữa bà con với nhau trước là có thể cùng nhau học hỏi qua lại, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ và vốn cho nhau qua hình

thực sự đang nguỵ n và xoay vòng trong thị trường. Tuy chúng ta mang lợi ích nào đáng kể về liên kết trong thị trường tác của mình nhưng cái mà tôi có thể nói là một thị trường anh em thực sự xuyên trao đổi và kết nối với nhau thôi” (Trở lại với thị trường tác ở Tân Thành). Chúng tôi hỏi HPT tác xã Đoàn Kết về điều này: “Vào thị trường tác xã là rất tốt. Tuy nhiên quan niệm của người dân về thị trường tác xã vẫn như thị trường mô hình thị trường tác xã nông nghiệp trước đây, đến bây giờ người dân vẫn không muốn vào thị trường tác xã mà chỉ muốn làm ăn đơn lẻ”. Từ cách nhìn của nông dân, họ hiểu các ý kiến đầu tư như trí tuệ và lợi ích thực sự rõ rệt khi vào thị trường tác xã và thị trường tác là tiếp cận đến các kiến thức và kết nối nuôi tôm mới, chia sẻ kinh nghiệm với nhau và trong chúng ta nào đó là một cách hỗ trợ, mặc dù không đáng kể. Tuy nhiên, nông dân vẫn chưa thấy các lợi ích rõ rệt khi tham gia thị trường tác xã và thị trường tác, vì họ đang chờ đợi các mô hình này chúng ta mang lại hiệu quả đáng kể trong khi họ phải chịu sự ràng buộc và mất đi sự tự do của mình. Trong 2 thị trường tác xã thì 1 khá, 1 yếu; trong 15 thị trường tác xã thì chỉ có 2 khá, 7 trung bình, và 6 yếu. Các hộ nuôi tôm cho rằng khi nào thị trường tác xã, thị trường tác hoạt động hiệu quả thì họ sẽ tham gia. Đây là một quan niệm hết sức thực tế và hợp lý.

4.2. Liên kết giữa hộ nuôi tôm với các chủ thể khác

Các mối liên kết không chỉ giữa các hộ nuôi tôm với nhau, mà còn giữa hộ nuôi tôm với các chủ thể cung cấp đầu vào và tiêu thụ sản phẩm, liên quan đến các chủ thể nhân, thương lái và doanh nghiệp.

Nhóm nghiên cứu đã khảo sát 20 hộ nuôi tôm có qui mô từ nhỏ đến lớn trong xã và các mối liên kết của hộ nông nghiệp công nghiệp khác nhau. Có 12 hộ thuộc loại hình cá thể, 3 hộ gia đình hợp tác xã, và 5 hộ tham gia thị trường tác. 20 hộ nuôi tôm trên số hộ là 27 thửa đất, bình quân 1 thửa là 25.389m², nằm trong địa bàn xã và đang sản xuất 2 vụ tôm/năm. Phần lớn các hộ sản xuất không tham gia vào chuỗi giá trị ngành nghề nào.

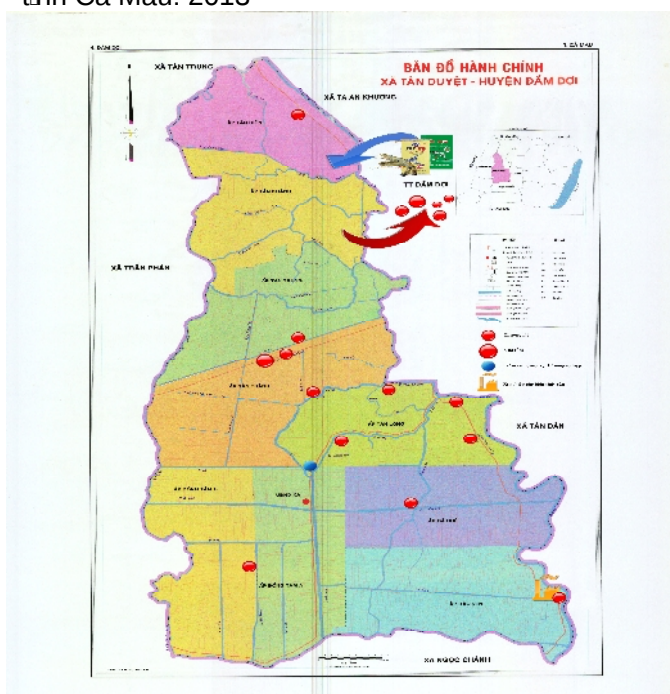
Mua sắm công cụ sản xuất: Công cụ sản xuất chính để nuôi tôm là máy bơm nước và ghe/xuồng - phần lớn chuyên chở hàng hóa đến các vùng sông nước Cà Mau. Các loại phụ kiện/máy móc để các hộ sản xuất mua từ các doanh nghiệp tư nhân trong tỉnh/huyện và các cửa hàng cá thể trong huyện, thậm chí một ít còn mua từ các hộ kinh doanh trong xã. Các ghi nhận từ thực địa cho thấy, cũng tùy loại phụ kiện/máy móc, tùy đầu tư kiến thiết gia đình mà họ quyết định mua ở đâu, và họ cho rằng việc mua ở đâu không còn khó khăn vì hiện nay cửa hàng đang thông thoáng, đa dạng, đa dạng thực địa bàn xã đều đang phát triển.

Cung cấp con giống: Con giống đóng vai trò quan trọng trong sản xuất. Từ thời trước Đệ nhất Cộng hòa có các cửa hàng sản xuất tôm giống để cung cấp cho nông dân trong vùng. Ngoài việc sản xuất con giống tại huyện Đầm Dơi, người dân trong xã còn sản xuất con giống từ các nơi khác trong tỉnh và ngoài tỉnh như Bạc Liêu, Bến Tre, Cần Thơ, Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên. Với nguồn tôm giống từ các tỉnh Nam Trung Bộ, dù xa nhưng việc giao dịch cũng khá thuận lợi. Hộ nuôi tôm

thị trường gọi điện thoại cho công ty, công ty cho người đi đến làm hợp đồng, khoảng vài ngày sau thì con giống được chuyển đến tận nhà. Vì người dân nhận thấy hiện nay là chốt thị trường con giống thấp, không ổn định và khó kiểm soát – vì người dân gọi liên lạc với người sản xuất nhỏ, địa phương. Nhưng họ nuôi công nghiệp với qui mô lớn thì có thể mua từ các công ty có uy tín, chốt thị trường được kiểm soát tốt hơn nên đem bán họ dù giá cao hơn. Nhưng họ nuôi quy mô cạnh tranh thì người với qui mô nhỏ nên thì mua từ những người không có thị trường hiện tại, dù giá thấp hơn nhưng cũng nhiều rủi ro hơn (xem Hình 1).

Cung cấp thức ăn, thức ăn sống: Hiện chỉ có 1 cửa sổ kinh doanh thức ăn và

Hình 1: Phân bố các cửa sổ cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ tôm tại xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau: 2013



Nguồn: Trần Khánh Hoàng. 2014.

Kết quả khảo sát của đề án Điều tra các biện pháp thị trường liên kết phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ (2012-2014).

thức ăn sống có giá rẻ phép hoạt động tại ấp Bào Sen, xã Tân Duyệt, phường Lân Ngãi ở dân trong xã mua với giá từ 8 cửa sổ nhân từ thị trường Đầm Dơi. Khoảng cách từ trung tâm xã Tân Duyệt đến trung tâm thị trường Đầm Dơi khoảng 6km. Với đó, nguyên liệu được chuyển đến các hộ nuôi tôm bằng đường thủy là chủ yếu. Các cửa sổ này cho người nuôi gọi điện mua một phần; tức là tháng đầu mua bằng tiền mặt, qua tháng thứ 2 bắt đầu được mua thả. Mua được đầu tiên phải có sổ sách để ghi lại quy trình mùa vụ, căn cứ vào đó mới có cửa sổ cho mua thả, không tính lãi nhưng giá cao hơn (thức ăn chốt với là một hình thức tiền lãi): Nuôi tôm sú được đầu

tiền 2 tháng, tôm thả thì 1,5 tháng vì thời gian nuôi tôm sú là 5 tháng/vụ, còn tôm thả là 3 tháng/vụ. Ngoài ra, trong xã còn có 1 hộ nuôi tôm có qui mô lớn nên mua thức ăn và các loại vật tư khác với giá sỉ, đồng thời cũng bán cho các hộ khác có nhu cầu.

Như vậy, việc tiếp cận các yếu tố đầu vào không gặp trở ngại nào, nhưng giá cả và chốt thị trường là những vấn đề mà người nuôi tôm hết sức quan tâm. Nhiều ý kiến nghị ngỏ với chốt thị trường con giống, thức ăn, vật tư, hóa chất mà họ mua với giá sỉ. Các hộ nuôi tôm cho rằng “Hiện nay người nuôi tôm giống mua rất dễ dàng nhưng chốt thị trường thì không được đem bán và ngay cả chốt thị trường của thức ăn sinh cũng không kiểm soát được”. Anh bày tỏ sự nghi ngờ về khả năng kiểm soát của Nhà nước đối

về i chắt lọc ng c a nh ng nguyên li u này, về đ tin c y trong các n i dung qu ng cáo, gi i thi u c a s n ph m... Đ i v i nh ng c s t nh n đ a ph ng đ c xem là t m c , uy tín mà nh u ng i i nuôi t m trong vùng v n hay mua thì anh v n không có s tin t ng, b i theo anh vì m c hoa h ng mà nhà cung c p dành cho, h có th không quan tâm đ n ch t l ng th c s c a s n ph m bán cho bà con nông dân. N u có s c x y ra thì thi t h i v n n m v phía ng i i nông dân. M i quan h này có i cho các doanh nghi p cung ng v t t h n là nông dân. Phó Ch t h p tác xã Đoàn k t nh n đ nh: “Các công ty bán gi ng, bán th c ăn, bán ch ph m sinh h c t ch c t p hu n t n vùng nuôi. Các quy trình này đ u h ng ng i i nuôi đ n v i c s đ ng s n ph m c a h c ng nh u c ng t t n t n t r ng l m đ ng thu c, hóa ch t r t ph bi n, làm ô nh i m môi tr ng và nh h ng t i ch t l ng s n ph m”.

Hi n nay, t con gi ng, th c ăn, thu c thú y th y s n, đ n môi tr ng n c v n đ ng i trong tình tr ng b p b nh và trôi n i. Ch a có c ch liên k t hi u qu nào gi a các “nhà” đ b o đ m con gi ng, ngu n th c ăn, thu c thú y th y s n, môi tr ng n c đ t ch t l ng đ nhà nông yên tâm s n xu t theo h ng b n v ng. Hi n nay, ph n l n các h nuôi v n ph i t m ày mò, t x lý các v n đ t con gi ng đ n ngu n n c khi g p s c . M t h nuôi i p Tân Thành, đ ng nuôi theo mô hình qu ng canh c i t n cho r ng: “Ng i i nuôi không làm ch đ c ngu n cung c p. Ng i i nông dân không th bi t đ c ch t l ng con

gi ng n u ch nh n v ngoài. Th m chí, các c s có uy tín, có th ng hi u nh ng cũng ch a t o cho nông dân s an tâm v ch t l ng t m gi ng, s r i ro còn cao”. V tình tr ng ô nh i m ngu n n c thì anh đánh giá: “S qu n lý c a Nhà n c trong v i c ki m soát ngu n n c th i t mô hình nuôi công nghi p đ a ph ng là còn kém. Kém là do v i c đ ra lu t thì có nh ng v i c thi hành lu t thì không”. Anh đ n ch ng trong tr ng h p m t h nào đó nuôi t m b d ch b nh ch t, đ t n thu nh ng gì còn l i, không có cách nào h n là h ph i th i n c ru ng mình ra tr c ti p ngoài môi tr ng và/hoc sau đó sên vét ao đ làm v sinh r i cũng đ tr c ti p b n n c ra xung quanh. Tuy có lu t và có x y ra vài s c l y nh i m cho nh ng h dân xung quanh nh ng ch a th y m t ai b x lý theo lu t. Theo anh thì bên c nh v i c không x lý đ c, s h tr t phía Nhà n c đ i v i nh ng h nuôi b d ch b nh là không đáng k (nh đ c h tr ch t clo đ x lý ao) so v i s l lã mà h ph i gánh ch u. Thêm vào đó, s tr giúp x lý là quá ch m so v i t n đ l y lan d ch b nh do ph i qua m t quá trình hành chính r m rà (báo cáo → ki m nghi m → báo cáo → có k t qu → xu ng đ a bàn ki m tra → c p clo cho dân có yêu c u x lý/cán b xu ng x lý), cho nên h b s c ph i t mình x lý tr c, và v i c đ tr c ti p n c không qua x lý t ao mình ra ngoài là cách ph bi n mà h nuôi t m th ng làm đ gi m th t thu. Th c t là khi g p s c d ch b nh, ít có ng i dân nào báo cáo v i chính quy n mà t x lý là chính.

Dịch vụ thu mua: Trách nhiệm tác xã và tổ nuôi tôm công nghiệp với qui mô lớn có thể bán sản phẩm cho doanh nghiệp, hộ hộ t h nuôi tôm để bán sản phẩm cho thị trường lái ở trong xã hoặc ở thị trấn và các xã lân cận. Thị trường lái thị trường đến tận ao để mua. Ở đâu cũng có 1-2 thị trường lái, các thị trường lái này đến thị trường gần thu hoạch thì thị trường để o loanh quanh bên mặt trái, hoặc để xuất giá trái, có hộ thì sẽ dùng mặt thị trường lái để tôm làm ăn với mình lâu năm, có hộ thì sẽ dùng mặt thị trường lái nào đến để nghe giá cao hơn.

Hiện nay, có các hình thức mua bán tôm trên địa bàn như sau: (1) Hộ nuôi thu hoạch xã viên của hộ tác xã có thể để các hộ tác xã để ra trao đổi mua bán với các doanh nghiệp/công ty lớn theo hộ để và kèm theo để u kiện ràng buộc với quy chuẩn sản phẩm. Giá cả cụ thể cùng với để c t t c các xã viên trong hộ tác xã để ý. (2) Hộ nuôi thu hoạch xã viên của hộ tác xã như cũng có thể bán cho thị trường lái, nếu thấy giá cả của thị trường lái để nghe cao. (3) Hộ nuôi bán trực tiếp cho thị trấn Đầm Dơi. (4) Hộ nuôi bán cho các cửa sổ thu mua để định tại địa bàn xã/ phường. (5) Hộ nuôi bán trực tiếp cho các thị trường lái lớn để trong xã/ phường và ngoài xã.

Hội để tiêu thụ sản phẩm hiện nay chủ yếu thông qua thị trường lái và người sản xuất để biết thị trường lái. Hội cho rằng thị trường lái ép giá hộ trong mặt hoàn cảnh như người ở trong mặt hoàn cảnh thì thị trường lái là giúp hộ tiêu thụ sản phẩm. Người sản xuất hiện nay, tuy không còn thể để nghe như trước c như hộ hộ để hộ để p c n tr c t p v i công ty thu mua, xí

ngiệp để biết v i n còn r t h n ch . M t p h n là do hộ không để để u kiện v i pháp lý để để p c n v i công ty, xí nghiệp. Hộ nuôi theo mô hình công nghiệp để để p c i t i n ở p Tân Thành cho rằng: “Người dân mặt dù có để biết n i thu mua như hộ v i n không để để c n để c doanh nghiệp đó, do doanh nghiệp đòi hộ người dân phải có hóa để để khi bán tôm cho hộ. Như hộ người dân thì không thể có để c hóa để để do sẽ là hộ bán như là. Tình trạng hiện nay là hộ như xí nghiệp để biết ch mua tôm qua các doanh nghiệp thu mua. Do đó, cho dù người dân để biết ch bán, để t i đó như hộ v i n không mua. M t ng l i i t t h i n h i n n a y r t n h i u : m t m t giúp người dân thu n l i trong khâu để ra như hộ m t khác trên thị c t giá c đang b m ng l i i này thao túng. B i ng i i dân không để để c n để c tr c t i p v i doanh nghiệp, ch để biết bán cho lái. Mà giá c thì để để c các thị trường lái thị ng nh t v i nhau, ép giá người dân”.

Tuy nhiên, đây là mặt hộ tác để a trên nguyên t c “thu n mua v a bán” trong n n s n x u t nh , phân tán. Phó Chủ tịch Hộ tác xã Đoàn K t cho rằng “th i ng lái không ép để c, vì tr i c khi thu tôm thì hộ tác xã cũng như hộ nuôi liên hộ v i m t s công ty như Phú C i ng, Qu c Vi t, Alpha,... để dò giá, n i nào để c giá, uy tín thì bán. Ép giá ch x y ra trong tr i ng hộ p cung v i t quá c u”. Hộ n n a, v i qui mô s n x u t nh và thu hoạch không để nghe b nh hộ hộ t các hộ nuôi tôm qu ng canh truy n th ng h i n n a y (m i l n 2-3kg tôm vào như th i để m khác nhau) thì không thể bán cho các công ty và bán

giá cao để c. Qui mô, chất lượng, và số trung của sản phẩm là những yếu tố hàng đầu quyết định giá bán trên thị trường, những các nguồn cung cấp tôm hiện nay của họ không đáp ứng cả ba yếu tố có tính quyết định đến với giá cả này.

Chính sách bảo hộ: Để hạn chế những rủi ro trong sản xuất nông nghiệp, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 315/QĐ-TTg thí điểm bảo hộ nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013 tại 2 tỉnh, thành phố. Quyết định này đang được các hàng triểu nông dân kỳ vọng, giúp bà con chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra. Qua 2 năm thí điểm, một số người nuôi tôm xã bắt đầu tham gia bảo hộ nông nghiệp từ khoảng năm 2013 do xã vận động trên tinh thần tự nguyện, những đa số nông dân vẫn chưa mặn mà với bảo hộ nông nghiệp. Nguyên tắc khi tham gia bảo hộ nông nghiệp là nông dân trích một phần lợi nhuận gửi công ty bảo hộ để phòng trừ những rủi ro những phần lợi nhuận nông dân không hiểu được lợi ích này. Ngoài ra, công tác chi trả thị trường bảo hộ nông nghiệp cho nông dân còn chậm, thậm chí có trường hợp kéo dài tới 6 tháng thay vì chỉ 1 tháng theo hợp đồng, làm thiệt thòi quyền lợi và khiến nhiều người dân không có tiền đầu tư cho vụ sau. Thủ tướng Thủ hợp tác An Thành cho biết “bảo hộ đòi hỏi phải có một xét nghiệm của Chi cục Thú y hay Phòng Thú y huyện thì mới bắt đầu thị trường. Những, hiện tại bảo hộ vẫn chưa chi trả đầy đủ cho các trường hợp bị sốc, và số chi trả là không bao nhiêu so với

thiệt hại của người nuôi”. Anh cho biết, theo hợp đồng bảo hộ mà anh đã ký với Công ty Bảo Minh Cà Mau thì sau khi thông báo cho bên bảo hộ tôm bệnh với đầy đủ thủ tục giấy tờ hợp lệ, bên bảo hộ sẽ tiến hành chi trả bồi thường trong vòng 1 tháng. Tuy nhiên, từ tháng 4/2013 anh đã thông báo tôm bệnh với đầy đủ thủ tục giấy tờ cần thiết nhưng cho tháng 11/2013 (thời điểm khảo sát) vẫn chưa nhận được tiền bồi hộ nông nghiệp dù đã trả các tiền đi đến đó nhiều lần.

5. MÔ TẢ NHẬN XÉT KẾT LUẬN

Các kết quả phân tích trên cho thấy, mặc dù có lợi thế so sánh với môi trường sinh thái tự nhiên, nghề nuôi tôm xã Tân Duy đang đối mặt với nhiều thách thức để phát triển bền vững do các hạn chế về nguồn lợi của họ nuôi, thủ tục hành chính, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, và các điều kiện trong chuỗi sản xuất - tiêu thụ tôm. Các hạn chế trên làm giảm nhu cầu và khả năng liên kết, dẫn đến mối liên kết lỏng lẻo giữa các hộ nuôi tôm cũng như giữa họ với các chủ thể liên quan, và là trở ngại lớn nhất trong việc xây dựng các mạng lưới liên kết bền vững. Mặc dù các cấp chính quyền đã rất nỗ lực để thúc đẩy các hoạt động liên kết, các nỗ lực này không thể thành công nếu không cải thiện được các điều kiện sản xuất và năng lực cốt lõi của các chủ thể, đặc biệt là nông hộ, nhằm tạo ra nhu cầu tự thân của họ trong liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm.

Với các biện pháp sản xuất - tiêu thụ tôm tại địa bàn nghiên cứu phần lớn tính chất được thực hiện của sản xuất nhỏ, manh mún, phụ thuộc nhiều vào điều kiện

kiến tự nhiên. Mặc dù là vùng trồng dừa m sản xuất tôm nh nông dân tích bình quân ché xấp xỉ 1 ha/hộ nuôi, hộ h t là nuôi qu ng canh trư n th ng, thu hoạch nh l và không đ ng lo t. Hộ th ng c p/thoát n c th i ch a đ c quy hoạch phù h p đ ki m soát ô nhiễm và h n ch lây lan dịch b nh. M ng l i đ i n và giao thông n i đ ng ch a đáp ng yêu c u sản xuất theo h ng hi n đ i.

Tr m t t l nh tham gia h p tác xã và t h p tác, hộ h t các hộ nuôi tôm đ u làm ăn cá th . Mặc dù có m t số l i ích khi tham gia nh đ c ti p nh n k thu t m i, vay v n và m t số h tr khác, các mô hình sản xuất t p th này ch a t o ra hi u qu đ s c thuy t ph c các hộ nuôi cá th . Hộ n n a, c s h t ng k thu t hi n nay ch a t o ra môi tr ng sản xuất mà đa số hộ nuôi tôm th y c n thi t ph i tham gia và có l i ích thi t th c khi tham gia. M t cách khách quan, “l c l ng sản xuất” hi n t i ch a t o ra s thúc bách đ thay đ i “quan h sản xuất”. Đ i u này cho th y khó nh n r ng mô hình h p tác xã n u không t o ra m t môi tr ng v t ch t t ng ng.

Do sản xuất nh và ngu n l c y u, hộ nuôi tôm không th liên kết tr c ti p v i doanh nghiệp cung ng đ u vào và doanh nghiệp tiêu th đ u ra, mà hộ h t ph i thông qua m ng l i i các c s t nhân và th ng lái, tr m t số h p đ ng đ c h p tác xã - đ i đ i n cho các h xã viên ký k t v i doanh nghiệp. M ng l i i c s t nhân và th ng lái có chân r t đ n t ng p và có nhi u hình th c linh hoạt đ hộ nuôi tôm có th mua nh ng th c n thi t cho sản xuất và bán sản

ph m c a h là s t n t i khách quan trong đ i u ki n sản xuất nh hi n nay. Các m ng l i i này m t m t cũng đ m l i l i ích cho hộ nuôi nh ng m t khác đó là m t quan h kinh t b t đ i x ng, trong đó hộ nuôi hoàn toàn ph thu c vào các m ng l i i này vì hộ có ít l a ch n v i ngu n l c quá nh bé c a mình, hoặc th m chí là không có l a ch n nào khi hộ ph i mua tr c tr sau. Ch t l ng c a con gi ng, th c ăn, thu c thú y,... ch a đ m b o và n m ngoài kh năng ki m soát c a hộ nuôi, trong khi ngh nuôi tôm ph thu c r t l n vào các y u t đ u vào này. T ng t , hộ nuôi cũng ph thu c ch y u vào các c s thu mua t i ch và th ng lái khi hộ thu hoạch v i số l ng ít, không đ ng lo t, và r i rác nh ng n i ch có th di chuy n b ng các ph ng ti n nh .

Nhìn chung, s liên kết gi a các ch th trong quá trình sản xuất - tiêu th tôm còn l ng l o và m i ch m c đ th p. V n đ c b n đ phát tri n m i liên kết tr c ti p gi a doanh nghiệp v i nông dân, l i i b n các khâu trung gian, là ph i xây đ ng vùng nguyên li u l n và b n v ng. N u không c i thi n tình tr ng sản xuất qui mô nh , phân tán, không n đ nh v s l ng và ch t l ng thì khó mà xây đ ng m i quan h n đ nh, b n v ng, và h ng l i i công b ng gi a các ch th liên kết. Đ t o ra vùng nguyên li u l n và b n v ng, c n xây đ ng c s h t ng sản xuất phù h p và nâng cao năng l c c t lõi c a các ch th liên kết, nh ng ch y u là hộ nuôi tôm vì hộ hoặc ít có nhu c u liên kết hoặc quá y u th trong các liên kết hi n nay và thi u năng l c liên kết. Các h p tác xã, t h p

tác sẽ không thể phát triển bền vững nếu chúng ta vào các hộ trợ có hộ nông dân Nhà nước mà thiêu các nguồn lực sản xuất sinh động và hành hiệu quả. Để tạo điều kiện và môi trường liên kết giữa các hộ nuôi cấy xây dựng các “cánh đồng tôm lớn” với hộ trồng cây nước/thoát nước thối, diện sản xuất, và giao thông phù hợp. Không có các điều kiện trên, hộ nuôi không thể sản xuất và các lợi ích khi liên kết với nhau, không thể giảm giá thành, tăng năng suất, nâng chất lượng sản phẩm, và tạo ra lợi thế cạnh tranh. Thiểu số hộ trồng và quy hoạch hiện tại không thể mang mô hình nuôi công nghiệp vì sẽ làm tăng ô nhiễm và không thể kiểm soát được số lượng sản phẩm dịch bệnh.

Dịch bệnh là nguyên nhân quan trọng và lâu dài nhất gây ra tình trạng thiếu ổn định và chất lượng tôm. Dịch bệnh càng tăng thì việc sản xuất các loại thuốc kháng sinh cũng càng tăng, tạo nên lượng thuốc trong tôm. Để cải thiện một cách căn bản cần phải bỏ việc dùng môi trường nuôi thông qua việc đưa thuốc đúng mức cho hộ trồng cây vùng nuôi tôm. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ nuôi tôm sẽ chỉ có thể phát huy trên cơ sở vật chất phù hợp. Cơ sở hạ tầng hiện tại giúp tăng quy mô, chất lượng, và tính tập trung của sản phẩm. Điều này không chỉ làm tăng giá bán mà còn loại bỏ các khâu giao dịch trung gian, đem lại lợi ích cho người nuôi tôm và doanh nghiệp chế biến tôm.

Là một sản phẩm tiêu thụ rộng rãi, giá trị tăng lên trong khâu chế biến tinh khiết hơn chế biến, vì chế biến là sạch và đóng gói xuất khẩu. Do vậy, để tăng lợi nhuận cho các bên tham gia trong chuỗi giá trị, cần tập

trung vào việc giảm giá thành sản xuất và chi phí vận chuyển. Trong khi khâu vận chuyển có tính ổn định tương đối và ít ảnh hưởng đến chuỗi giá trị thì sản xuất thì ngược lại chế biến do tôm có giá trị cao và có thể xuất khẩu toàn bộ sản phẩm thô (nên chi phí cho một đơn vị vận chuyển thấp), phân khúc giá trị trong khâu sản xuất và giao dịch hiện tại không ổn định và đây là khâu có thể giảm được chi phí chi phí để tăng lợi nhuận cho các bên tham gia. Giảm các khâu trung gian để giảm chi phí là một trong những giải pháp rõ ràng nhất trong chuỗi giá trị có vai trò không thể thiếu trong nền sản xuất nông, lâm, thủy sản, phân tán, thiếu ổn định hiện nay. Giải pháp trong ngắn hạn là thúc đẩy các hoạt động liên kết giữa nông dân trong các hợp tác xã, tổ hợp tác nhằm tăng quy mô, tính đồng bộ và cải thiện phân phối chất lượng sản phẩm; và tăng cường năng lực quản trị, giám sát thị trường để kiểm soát chất lượng con giống, vật tư, nguyên liệu. Giải pháp trong dài hạn là cần xây dựng cơ sở hạ tầng nuôi tôm hiện đại bao gồm nước, điện, cầu đường, trong đó hộ trồng nước cấp và nước thải tách biệt là yếu tố quan trọng hàng đầu để kiểm soát dịch bệnh và tạo môi trường nuôi tôm sạch. Các lợi ích này sẽ thân thiện liên kết các chuỗi trong chuỗi sản xuất - tiêu thụ tôm.

Các hộ chế biến trong liên kết và giải pháp thúc đẩy liên kết bền vững thì nghiên cứu thị trường hợp nói trên phần lớn hiện nay và để chế biến để vận chuyển phát triển ngành sản xuất - tiêu thụ tôm trên toàn vùng. □

(Xem tiếp trang 69)

